

Biểu 01: Dân cư xã Đức Thắng

(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)

TT	Thôn	Dân tộc (người)		Lao động (người)	Cao tuổi (người)	Trẻ em (người)	Phụ nữ (người)	Neo đơn (người)	Khuyết tật (người)
		Kinh	DT khác						
1	Dương Quang	1.935	1	935	111	212	740	3	27
2	Gia Hòa	1.085		613	98	135	485	5	22
3	Tân Định	910	1	517	95	125	390	4	18
4	An Tĩnh	1.120		579	93	116	454	1	21
5	Thanh Long	1.410		680	125	128	589	5	23
6	Mỹ Khánh	1.625		890	128	157	725	8	28
	Tổng số:	8.085	2	4.214	650	873	3.383	26	139

Biểu 02: Dân sinh và Nhà ở trên địa bàn xã Đức Thắng Năm 2023

(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)

TT	Xã, thị trấn	Dân sinh					Nhà ở			
		Tổng số hộ trên địa bàn	Số dân SX Nông-Lâm-Ngư (hộ)	Số dân SX phi NN (hộ)	Số hộ nghèo (hộ)	Số hộ cận nghèo (hộ)	Nhà kiên cố (nhà)	Nhà bán kiên cố (nhà)	Nhà thiếu kiên cố (nhà)	Nhà đơn sơ (nhà)
1	Dương Quang	430	317	54	21	38	255	60		
2	Gia Hòa	296	177	19	14	26	223	38		
3	Tân Định	227	157	25	17	28	150	31		
4	An Tĩnh	265	229	27	14	15	195	38		
5	Thanh Long	335	312	12	22	29	227	55		
6	Mỹ Khánh	407	321	22	30	34	335	58		
	Tổng số:	1.960	1.513	159	118	170	1.385	280	0	0

*** Hướng dẫn phân loại nhà của Bộ Xây dựng:**

- Nhà kiên cố là nhà có 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc (BTCT, xây gạch đá, sắt, thép, gỗ bền chắc).
- Nhà bán kiên cố là nhà có 2 trong 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc.
- Nhà thiếu kiên cố là nhà có 1 trong 3 kết cấu chính: cột, mái, tường được làm bằng vật liệu bền chắc (BTCT, xây gạch đá, sắt, thép, gỗ bền chắc).
- Nhà đơn sơ là nhà có cả 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu không bền chắc (gỗ tạp, tre, ngói, tấm lợp, lá, rơm, rạ, đất, phiên, liếp, ván ép,...).

0,05283

Biểu 03: Công trình có thể sơ tán dân đến trên địa bàn xã Đức Thắng năm 2023
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)

ST T	Xã, thị trấn	Số điểm công trình sơ tán tập trung (điểm)	Sức chứa (người)	Vị trí công trình
1	Dương Quang	1	110	Các nhà kiên cố của dân
2	Gia Hòa	1	35	Trường Mầm non cơ sở 2
3	Tân Định	1	50	Nhà văn hóa thôn Tân Định
4	An Tĩnh	1	50	Nhà văn hóa thôn An Tĩnh
5	Thanh Long	1	100	Trường Tiểu học Đức Thắng, nhà phòng tránh lũ lụt xã
6	Mỹ Khánh	4	240	Trường Mầm non cơ sở 2, Trường THCS Đức Thắng, Chùa Khánh Long, Cơ sở Đạo Cao Đài,
	Tổng số:	9	585	

Biểu 05: Tổng hợp số liệu tàu thuyền đánh bắt hải sản trên biển

(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)

TT	Xã, thị trấn	Số lượng tàu (ghe)				Ngư trường đánh bắt chính
		Ven bờ (tàu, ghe)	Vùng lộng (tàu)	Vùng khơi (tàu)	Có thiết bị quan sát (tàu)	
1	Tân Định	3				
2	Dương Quang	8				

Biểu 06: Tổng hợp số liệu lồng bè nuôi trồng thủy sản
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)

TT	Xã, thị trấn	Lồng (cái)	Bè (cái)	Tổng (cái)	Khu vực nuôi trồng
I					

Biểu 07: Tổng hợp số liệu sản xuất nông nghiệp chính
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)

TT	Xã, thị trấn	Lúa (ha)	Hoa màu (ha)	Cây lâu năm (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Đàn gia súc (con)	Đàn gia cầm (con)
1	Dương Quang	65	142,0	30,00	29,50	816	2.600
2	Gia Hòa	58	71,0	15,00	127,50	619	6.075
3	Tân Định	35	71,0	3,00	12,00	656	8.250
4	An Tĩnh	36	51,0	1,00		546	12.350
5	Thanh Long	56	37,5	4,00		606	4.673
6	Mỹ Khánh	62	46,5	1,50		633	5.175
	Tổng cộng	312,00	419,00	54,50	169,00	3.876,00	39.123,00

Biểu 13: Bảng dự trù kinh phí cho công tác PCTT&TKCN năm 2023,
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)

TT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
1	Chi hỗ trợ tiền trực ứng phó phòng chống thiên tai (dự kiến không quá 100.000 đồng/ người trong ngày làm việc bình thường và 150.000 đồng/người trong ngày nghỉ) .	5.000.000	
2	Chi tiền ăn + nước uống trong các ngày trực của BCHPCTT và Tổ giúp việc. Mua các nhu yếu phẩm cần thiết phục vụ cho BCH PCTT (mì tôm, nước uống)	3.000.000	
3	Chi hỗ trợ tiền điện thoại cho thường trực BCH (không quá 200.000 đồng/người)	1.200.000	
4	Chi hội nghị triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác PCTT	5.000.000	
5	Chi vật tư văn phòng phẩm phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai, photo tài liệu	1.000.000	
6	Chi hỗ trợ huấn luyện tập huấn và hoạt động khác cho đội xung kích và hỗ trợ cho đội xung kích thực hiện nhiệm vụ khi được huy động tham gia PCTT	5.000.000	
7	Chi phí quản lý, vận hành các thiết bị, phương tiện phục vụ PCTT	2.000.000	
8	chi hỗ trợ các lực lượng tham gia phòng chống thiên tai mua sắm các vật tư, trang phục, dụng cụ phòng chống thiên tai (áo mưa, đèn pin, ủng, mũ...) và chi phí tham gia khắc phục, thống kê, rà soát thiệt hại sau thiên tai. Gồm đội xung kích, BCH PCTT, lãnh đạo, tổ giúp việc. Và mua dụng cụ cần thiết cho Ban chỉ huy PCTT xã khi thực hiện nhiệm vụ trong lúc thực hiện	22.000.000	
9	Chi mua dù che mưa,mì tôm, nước uống phục vụ công tác PCTT	6.000.000	
10	Chi hỗ trợ tuyên truyền trong công tác PCTT	1.000.000	
11	Chi mua nhiên liệu phục vụ phòng chống thiên tai	1.500.000	
12	Chi thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ nhân dân thu hoạch mùa vụ, khơi thông các dòng chảy khắc phục các sự cố sau thiên tai và chi khác khi có nhu cầu	7.300.000	
	Tổng cộng	60.000.000	

(Sáu mươi triệu đồng)

Ghi chú: Khi có nhiệm vụ thực tế phát sinh, thì chi theo thực tế đảm bảo không vượt quá mức cho phép.

- Đối với các khoản chi thực tế khi có thiên tai xảy ra phải thực hiện phương án di dời dân, cần bố trí thêm kinh phí để đảm bảo nhu yếu phẩm cho nhân dân đầy đủ. Mua lương thực, thực phẩm cung cấp cho từng điểm di dời. Đồng thời đảm bảo tốt công tác phòng chống dịch covid đề nghị BCĐ covid bố trí kinh phí phù hợp.

- Đối với các nhiệm vụ chi để khắc phục hậu quả sau thiên tai, tùy theo nhiệm vụ thực tế tại địa phương sẽ đề xuất kinh phí chi theo quy định đảm bảo theo chế độ quy định trong công tác phòng chống thiên tai, và bố trí nguồn kinh phí phù hợp theo sự thống nhất của TT.HĐND xã

-Đối với việc hỗ trợ mua vật tư, trang thiết bị dùng trong công tác phòng chống thiên tai, đề nghị chi hỗ trợ cho từng cá nhân để thực hiện việc mua sắm, đảm bảo cho cá nhân tham gia công tác phòng chống thiên tai tốt hơn

LỊCH TRỰC

(Kèm theo Thông báo số 01/TB-BCH, ngày 26/6/2023 của BCH PCTT & TKCN xã Đức Thắng)

TT	Người trực để chỉ huy, chỉ đạo	Thành viên tham gia	Ngày trực				
			Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1	Nguyễn Tấn Việt	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	1	1	1	1	1
2	Nguyễn Tấn Dương	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	2	2	2	2	2
3	Nguyễn Văn Tiến	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	3	3	3	3	3
4	Nguyễn Tấn Việt	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	4	4	4	4	4
5	Nguyễn Tấn Dương	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	5	5	5	5	5
6	Nguyễn Văn Tiến	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	6	6	6	6	6
7	Nguyễn Tấn Việt	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	7	7	7	7	7
8	Nguyễn Tấn Dương	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	8	8	8	8	8
9	Nguyễn Văn Tiến	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	9	9	9	9	9
10	Nguyễn Tấn Việt	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	10	10	10	10	10
11	Nguyễn Tấn Dương	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	11	11	11	11	11
12	Nguyễn Văn Tiến	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	12	12	12	12	12
13	Nguyễn Tấn Việt	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	13	13	13	13	13
14	Nguyễn Tấn Dương	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	14	14	14	14	14
15	Nguyễn Văn Tiến	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	15	15	15	15	15
16	Nguyễn Tấn Việt	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	16	16	16	16	16
17	Nguyễn Tấn Dương	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	17	17	17	17	17
18	Nguyễn Văn Tiến	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	18	18	18	18	18
19	Nguyễn Tấn Việt	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	19	19	19	19	19
20	Nguyễn Tấn Dương	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	20	20	20	20	20
21	Nguyễn Văn Tiến	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	21	21	21	21	21
22	Nguyễn Tấn Việt	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	22	22	22	22	22
23	Nguyễn Tấn Dương	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	23	23	23	23	23
24	Nguyễn Văn Tiến	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	24	24	24	24	24
25	Nguyễn Tấn Việt	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	25	25	25	25	25
26	Nguyễn Tấn Dương	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	26	26	26	26	26
27	Nguyễn Văn Tiến	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	27	27	27	27	27
28	Nguyễn Tấn Việt	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	28	28	28	28	28
29	Nguyễn Tấn Dương	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi , lực lượng công an trực theo lịch	29	29	29	29	29
30	Nguyễn Văn Tiến	Lê Văn Hương, Trần Thị Hạnh, lực lượng Quân sự trực theo lịch	30	30	30	30	30

31	Nguyễn Tấn Việt	Hồ Vinh Quang, Trần Thị Tường Vi, lực lượng công an trực theo lịch	31		31		31
----	-----------------	--	----	--	----	--	----

*** Ghi Chú: Tổ Trưởng và Tổ phó của Tổ giúp việc trực Văn phòng BCH-PCTT,TKCN, các đồng chí tổ viên của Tổ giúp việc sẽ được điều động hỗ trợ khi khối lượng công việc nhiều; Đài truyền thanh xã trực 100% khi có thiên tai xảy ra đảm bảo hệ thống truyền thanh hoạt động tốt; Công an, xã đội phân công thành viên trực theo quy định của ngành**

- * - Khi có xảy ra lũ lụt, bão đề nghị các đồng chí trong BCH, PCTT-TKCN tập trung tại UBND xã để trực.
các thành viên đứng cánh thôn nào thì trực tại thôn đó

Biểu 08: Lực lượng PCTT và TKCN xã Đức Thắng, năm 2023

(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)

TT	Lực lượng tại chỗ	Số lượng (người)	Ghi chú
a	Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	31	
b	Đội xung kích PCTT	21	
c	Công an	11	
d	Hội Chữ thập đỏ	7	
e	Hội Liên hiệp Phụ nữ	10	
	Tổng số:	80	

Biểu 09: TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ*(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)*

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Xe cứu hộ, xe ô tô trên địa bàn có thể huy động	Chiếc	5
2	Xe tải	Chiếc	2
3	Ca nô các loại	Chiếc	1
4	Tàu TKCN	Chiếc	
5	Tàu Vận tải biển	Chiếc	
6	Tàu CN-09	Chiếc	
7	Xuồng Cao tốc ST 660	Chiếc	
8	Xuồng Cao tốc ST 750	Chiếc	
9	Xuồng ST 1200	Chiếc	
10	Xuồng CN-01	Chiếc	
11	Xuồng cao tốc ST450(Không máy)	Chiếc	
12	Xuồng cao su ST420 (Không máy)	Chiếc	
13	Xuồng cao su ST220 (Không máy)	Chiếc	
14	Xuồng VSN 1500 (Không máy)	Chiếc	
15	Xuồng các loại khác	Chiếc	
16	Thuyền nhôm các loại	Chiếc	5
17	Máy đẩy các loại	Chiếc	1
18	Nhà bạt 16,5 m2	Bộ	4
19	Nhà bạt 24,75 m2	Bộ	
20	Nhà bạt 60 m2	Bộ	
21	Phao tròn	Cái	26
22	Phao áo	Cái	30
23	Phao bè	Cái	
24	Máy phát điện	Cái	1
25	Máy bơm chữa cháy	Cái	
26	Thiết bị chữa cháy	Bộ	
27	Tấm hút dầu	Tấm	
28	Pháo hiệu	Cái	
29	Máy cắt thực bì chữa cháy	Cái	
30	Thiết bị đốt rác thải nhiễm dầu	Cái	
31	Đèn cứu hộ, đèn pin	Cái	5
32	Máy ICOM	Chiếc	
33	Loa cầm tay	Chiếc	8
34	Thiết bị khoan cắt bê tông	Cái	

Biểu 10: Kế hoạch sơ tán dân phòng, tránh bão trên địa bàn huyện Mộ Đức
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)				Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)				Cấp độ 5 (Siêu bão)			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Dương Quang					25	79	0	0	26	104		
2	Gia Hòa					17	61	12	35	23	92	17	46
3	Tân Định					14	44	8	26	21	64	16	43
4	An Tĩnh					30	95	15	42	44	98	20	52
5	Thanh Long					23	71	25	57	45	130	32	65
6	Mỹ Khánh					38	97	22	55	55	152	28	53
	Tổng cộng	0	0	0	0	147	447	82	215	214	640	113	259

Biểu 10: Kế hoạch sơ tán dân phòng, tránh bão, lũ

TT	Địa điểm	Kế hoạch sơ tán dân phòng, tránh bão bão NORU (bão số 4)				Kế hoạch di dời, sơ tán dân khi có lũ xảy ra (BD3 + 1 trở lên)				Kế hoạch di dời, sơ tán dân khi có lũ xảy ra (Lũ lịch sử)			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
1	Dương Quang	56	124										
2	Gia Hòa	87	243	47	141								
3	Tân Định	64		17				10					
4	An Tĩnh	22	60	7	15								
5	Thanh Long	23	71	25	57								
6	Mỹ Khánh	38	97	22	55								
	Tổng cộng	290	595	118	268	0	0	10	0	0	0	0	0



Biểu 11: Kế hoạch di dời, sơ tán dân khi có lũ xảy ra
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)

TT	Địa điểm	BD3 - BDD3+1				BD3 + 1 trở lên				Lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
1	Dương Quang					5	18						
2	Gia Hòa					20	65	15	54	8	32		
3	Tân Định					11	33	7	12				
4	An Tĩnh					36	98	32	90	19	76	8	32
5	Thanh Long					47	125	23	75	12	48	7	28
6	Mỹ Khánh					55	112	35	95	11	44	9	36
	Tổng cộng	0	0	0	0	174	451	112	326	50	200	24	96

286 777 74 526

Biểu 12: Kế hoạch di dời, sơ tán dân phòng tránh sạt lở đất, lũ quét
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN của UBND xã Đức Thắng năm 2023)

TT	Địa điểm	Sạt lở bờ sông, bờ biển		Lũ quét		Sạt lở núi		Vùng thường xuyên bị chia cắt, ngập lụt	
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
1	Dương Quang					9	20		
2	An Tĩnh	3	10						
3	Gia Hòa					7	18		
4	Thanh Long								
5	Mỹ Khánh								
6	Tân Định								
	Tổng cộng	3	10	0	0	16	38	0	0